

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 344/2025/DS-PT
Ngày 26-6-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huỳnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Cường;

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:* Ông Trần Đức Thoại - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2025/TLPT-DS ngày 04/6/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 335/2025/QĐ-PT ngày 06/6/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim H, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 09 tháng 10 năm 2020):

1. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số C, khu phố C, Phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Trần Bảo A, sinh năm 1998. Địa chỉ: Xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Ngọc H2, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số nhà B, tổ E, khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Kim H, ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Do có quen biết với bà Huỳnh Thị Ngọc H2 nên bà H đã cho bà H2 vay số tiền 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng). Việc vay mượn có làm giấy vay tiền ngày 30/12/2019 và bà H2 có ký, ghi rõ họ tên vào giấy vay tiền. Các bên thỏa thuận ngày 29/02/2020, bà H2 có trách nhiệm trả hết số tiền trên cho bà H. Tuy nhiên, quá thời hạn dù nhiều lần bà H yêu cầu nhưng bà H2 vẫn không trả. Nay bà H khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc H2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Kim H số tiền 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/3/2020 đến ngày 01/3/2025 với lãi suất 10%/năm, số tiền lãi là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

Ngày 28/10/2020, bà H có nộp đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu bà H2 trả số tiền 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng). Nay bà H rút yêu cầu khởi kiện bổ sung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thông nhất việc rút yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là bà Huỳnh Thị Ngọc H2 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Kim H số tiền nợ gốc 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật, lãi suất tính từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/3/2020 đến ngày 01/3/2025 là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng). Tổng số tiền bà H2 có trách nhiệm thanh toán cho bà H là 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng).

Ngày 04/3/2020, nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với các thửa đất: Thửa đất số 644, tờ bản đồ số 44, có diện tích 3.273,7m² tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH3040, cấp ngày 19/02/2014 cho bà Huỳnh Thị Ngọc H2 và thửa đất số 697, tờ bản đồ số 46, diện tích 24.201,7m² tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01199, cấp ngày 29/01/2015 cho bà Huỳnh Thị Ngọc H2. Ngày 04/3/2020, bà Trần Kim H đã nộp số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) thực hiện biện pháp bảo đảm. Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 06/3/2020. Nguyên đơn đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với hai thửa đất nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H2 trình bày:

Bà H2 chỉ còn nợ bà H số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng). Việc ký giấy nợ 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng) ngày 30/12/2019 là do bà

bị ép buộc, đe dọa, gây áp lực đến tài sản, gia đình và công việc hiện tại của con trai bà.

Với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, bà H2 hoàn toàn không đồng ý. Bà chỉ đồng ý thanh toán cho bà H số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), không đồng ý thanh toán lãi suất vì hiện tại hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Trần Kim H đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H2 về việc yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H2 thanh toán số tiền 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định từ ngày 01/3/2020 cho đến ngày đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn bà Trần Kim H được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim H đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H2 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H2 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Kim H tổng số tiền 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng), trong đó: Nợ gốc là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng) và số tiền lãi phát sinh là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

3. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với: Thửa đất số 644, tờ bản đồ số 44, diện tích 3.273,7m² tọa lạc tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH3040, cấp ngày 19/02/2014 cho bà Huỳnh Thị Ngọc H2 và thửa đất số 697, tờ bản đồ số 46, có diện tích 24.201,7m² tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH01199, cấp ngày 29/01/2015 cho bà Huỳnh Thị Ngọc H2 tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 28/4/2025, bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H2 có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà H2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng bà H2 chỉ vay của bà H số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi bà H cộng vào; bà H2 bị đe dọa, ép buộc ký vào giấy nợ số tiền 6.000.000.000 đồng. Bị đơn

đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện có thời gian cho bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 1.400.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có văn bản trình bày ý kiến không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm do nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ hợp lệ thể hiện bị đơn nợ nguyên đơn số tiền gốc 6.000.000.000 đồng, bị đơn chưa trả cho nguyên đơn bất kỳ số tiền gốc hay tiền lãi nào.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đơn kháng cáo của bị đơn bà H2 được thực hiện trong thời hạn luật định, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H1 có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn trong suốt quá trình tố tụng nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn đối với số tiền 6.000.000.000 đồng và tiền lãi:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn số tiền nợ gốc 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng), yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán 01/3/2020 đến ngày 01/3/2025. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “Giấy vay tiền” đề ngày 30/12/2019. Giấy vay tiền có chữ ký của bên cho vay là bà Trần Kim H và chữ ký, chữ viết của bên vay là bà Huỳnh Thị Ngọc H2. Thời hạn vay tiền đến ngày 29/02/2020.

Bị đơn cho rằng bị đơn bị nguyên đơn đe dọa, ép buộc ký vào giấy vay tiền tuy nhiên không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Theo Kết luận giám định số

277/GĐ-PC09 ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Phòng K Công an tỉnh B xác định: Chữ ký viết tên “Hoa”, chữ viết họ tên “Huỳnh Thị Ngọc H2” dưới mục “Bên B” trên 01 (một) “Giấy vay tiền” đề ngày 30/12/2019 (ký hiệu A) so với chữ ký viết tên “H2”, chữ viết họ tên của Huỳnh Thị Ngọc H2 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M6) do cùng một người ký, viết ra. Do đó, có đủ cơ sở xác định bà H2 đã ký, viết vào giấy vay tiền bà H số tiền 6.000.000.000 đồng. Bị đơn không cung cấp được thêm chứng cứ nào khác chứng minh đã trả tiền cho bà H.

Bị đơn còn có đơn gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Dương tố cáo nguyên đơn có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và cưỡng đoạt tài sản. Tuy nhiên, ngày 27/8/2024 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện P đã ban hành Quyết định số 993/QĐ-HS, KT-MT không khởi tố vụ án hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 6.000.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 30/12/2019 là có căn cứ.

Về lãi suất: Tại giấy vay tiền ngày 30/12/2019 không thỏa thuận lãi suất. Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 về “*Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về lãi suất:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức 10%/năm, tương đương: 6.000.000.000 đồng x 10%/năm x 5 năm = 3.000.000.000 đồng là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 9.000.000.000 đồng (trong đó bao gồm 6.000.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000.000 đồng tiền lãi) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm, bị đơn không kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do bà Huỳnh Thị Ngọc H2 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà H2 được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 71, 92, 147, 148, 266, 271, 273, 293, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc H2 được miễn.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu: Tòa DS, HSVA, VTLT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Huỳnh